

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số 36/2023/HC-PT
Ngày 15-12-2023
V/v khiếu kiện quyết định giải
quyết khiếu nại thông báo nộp
tiền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà: **P.T**

Các Thẩm phán: Bà: **Mai Vân Anh**

Bà: **Tôn Thị Xuân Thủy**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Chử Thị Bích Lệ**- Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Huyền Trang**- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 12 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 20/2023/TLPT-HC ngày 09 tháng 11 năm 2023 về khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại thông báo nộp tiền sử dụng đất.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 01/2023/HC-ST ngày 27 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận BL, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 86/2023/QĐPT-HC ngày 14 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện:

1.1. Ông **Mai.L**, sinh năm 1957; Nơi cư trú: Số *** ngõ ** đường XD, tổ * phường XD, quận BL, thành phố Hà Nội. Vắng mặt tại phiên tòa.

1.2. Bà **Đặng Thị T.H**, sinh năm 1962; Nơi cư trú: Số *** ngõ ** đường XD, tổ * phường XD, quận BL, thành phố Hà Nội. Vắng mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông L.T, sinh năm 1980, căn cước công dân số 0350800***** do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 08.12.2021, theo Văn bản ủy quyền số công chứng 5330, quyền số 29/2023 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 14.11.2023. Có mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Lê Thị Vân Anh và luật sư Nguyễn Thị Yên- Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn Trường Sa. Luật sư Nguyễn Thị Yên có mặt, luật sư Lê Thị Vân Anh vắng mặt tại phiên tòa

2. Người bị kiện: Chi cục trưởng Chi cục thuế quận BL, thành phố Hà Nội; Địa chỉ: Tòa nhà CT5B khu tái định cư Kiều Mai, phường Phúc Diễn, quận BL, thành phố Hà Nội. Xin vắng mặt tại phiên tòa.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Chi cục thuế quận BL, thành phố Hà Nội; Địa chỉ: Tòa nhà CT5B khu tái định cư Kiều Mai, phường Phúc Diễn, quận BL, thành phố Hà Nội. Xin vắng mặt tại phiên tòa.

3.2. Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội- Chi nhánh BL; Địa chỉ: Phố P, phường M, quận BL, thành phố Hà Nội. Xin vắng mặt tại phiên tòa.

3.3. Cục trưởng Cục thuế Hà Nội; Địa chỉ: Số 187 phố Giảng Võ, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Xin vắng mặt tại phiên tòa.

4. Người kháng cáo:

4.1. Ông **Mai.L**, sinh năm 1957; Nơi cư trú: Số *** ngõ ** đường XD, tổ * phường XD, quận BL, thành phố Hà Nội.

4.2. Bà **Đặng Thị T.H**, sinh năm 1962; Nơi cư trú: Số *** ngõ ** đường XD, tổ * phường XD, quận BL, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm, nội dung vụ án như sau:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, người khởi kiện là ông Mai.L và bà Đặng Thị T.H thống nhất trình bày:

Ngày 24/03/2021, ông L, bà H nhận được Thông báo số 247/TB-CCT-TTNPĐ ngày 16/03/2021 của Chi cục thuế quận BL về việc nộp tiền sử dụng đất cho thửa đất số 4(2); tờ bản đồ 13CD, phường XD, quận BL, địa chỉ: Số *** ngõ ** đường XD, tổ *, phường XD, quận BL, TP Hà Nội. Theo nội dung Thông báo, Chi cục thuế quận BL đã áp mức giá đất tính tiền sử dụng đất đối với thửa đất của gia đình ông, bà là 6.600.000 đồng/m², từ đó xác định tổng số tiền sử dụng đất mà gia đình ông, bà phải nộp là 518.925.000 đồng. Ông, bà nhận thấy việc tính thuế đối với thửa đất của gia đình ông, bà có nhiều điểm bất cập, không phù hợp với thực tế vị trí mà gia đình đang sử dụng, không dựa trên căn cứ theo quy định của pháp luật. Do đó, ông, bà đã khiếu nại Thông báo số 247/TB-CCT-TTNPĐ ngày 16/03/2021 của Chi cục thuế BL.

Ngày 04 tháng 05 năm 2021, ông, bà nhận được Quyết định số 7361/QĐ-CCT-KTNB ngày 29/4/2021 của Chi cục thuế quận BL với nội dung khẳng định khiếu nại của ông, bà là “sai toàn bộ”. Tuy nhiên, quyết định giải quyết khiếu nại không giải thích rõ căn cứ vào đâu để xác định yêu cầu khiếu nại của ông, bà lại “sai toàn bộ”. Tại các buổi đối thoại, cán bộ thụ lý giải quyết khiếu nại đã nhiều lần khẳng định: Việc áp giá đất để tính tiền sử dụng đất của Chi cục thuế hoàn toàn dựa trên kết quả xác định vị trí, đặc điểm thửa đất tính thuế của Văn phòng đăng ký đất đai - Chi nhánh quận BL. Chi cục thuế quận BL hoàn toàn không chịu trách nhiệm về tính chính xác của vị trí thửa đất do Văn phòng đăng ký đất đai xác định, đồng thời đề nghị ông, bà liên hệ với Văn phòng đăng ký đất đai - Chi nhánh quận BL để được giải quyết. Như vậy, có thể hiểu là chính Chi cục thuế quận BL cũng không thể xác định được các thông tin của Văn phòng đăng ký đất

đai - Chi nhánh quận BL là đúng hay sai. Nên việc Chi cục thuế quận BL khẳng định khiếu nại của ông, bà “sai toàn bộ” là không có cơ sở.

Không đồng ý với giải quyết khiếu nại của Chi cục thuế quận BL, ông, bà tiếp tục gửi đơn khiếu nại lên Cục Thuế thành phố Hà Nội, nhưng khi nhận được Quyết định số 38245/QĐ-CTHN-KTNB ngày 06/10/2021 của Cục Thuế thành phố Hà Nội về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) thì vẫn khẳng định: “Thông báo nộp tiền sử dụng đất là đúng quy định”.

Từ khi nhận Thông báo thuế số 247/TB-CCT-BTL ngày 16/3/2021 ông, bà đã nghiên cứu, tìm hiểu pháp luật và cố gắng giải quyết theo hướng hành chính tại các cơ quan có thẩm quyền tại BL và Hà Nội. Nhưng khi làm việc và nhận Quyết định giải quyết khiếu nại của Chi cục thuế BL, Quyết định giải quyết khiếu nại của Cục Thuế thành phố Hà Nội, ông, bà vẫn chỉ nhận được những quyết định giải quyết chung chung, không đi vào vấn đề mà ông, bà khiếu nại. Do đó, ông, bà đã phải nộp đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân quận BL.

Ông, bà một lần nữa khẳng định việc Cục Thuế thành phố Hà Nội, Chi cục Thuế BL và Văn phòng đăng ký đất đai - Chi nhánh quận BL xác định vị trí thửa đất như tại Thông báo số 247/TB-CCT-TTNPD là hoàn toàn không chính xác, chưa phù hợp với thực trạng đất trên địa bàn cũng như quy định pháp luật. Bởi vì:

Thứ nhất, Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai quận BL xác định thửa đất của gia đình ông, bà thuộc đường/khu vực: “Năm 2005 - Đường 32 - XD (HM - Cầu vượt đường sắt)”. Nhưng thửa đất ngay sát thửa đất trên lại được xác định thuộc đường/khu vực: Đường vào trại gà - Hoàn toàn khác với loại đường/khu vực được xác định tại Thông báo số 247/TB-CCT-TTNPD. Như vậy, hai thửa đất (trên cùng một thửa của bố mẹ được tách ra), thửa đất sát cạnh nhà ông, bà (cũng chính là nhà em gái ông L), trên cùng một tờ bản đồ, cùng một khu vực, cùng tổ dân phố, cùng

một ngõ đi chung nhưng lại được xác định thuộc hai loại đường/khu vực khác nhau. Điểm khác nhau duy nhất của hai thửa đất này là một thửa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2005 và một thửa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2007. Phía Chi cục thuế quận BL, trong quá trình làm việc cũng khẳng định có sự chênh lệch như vậy bởi vì: Quyết định số 242/2006/QĐ-UBND ngày 29/12/2006 của UBND thành phố Hà Nội quy định tại thị trấn XD có “Đường vào trại gà”. Còn tại Phụ lục số 3 Quyết định số 199/2004/QĐ-UB ngày 29/12/2004 thì chỉ có Đường XD (HM - Cầu Vượt đường sắt) và Cầu vượt đường sắt đến hết địa phận Hà Nội. Do đó, thửa đất của gia đình ông, bà chỉ có thể xác định đường loại I như trong Phiếu chuyển thông tin của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai quận BL, Chi cục thuế quận BL không có thẩm quyền thay đổi? Qua thông tin trao đổi với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ông, bà thấy, việc áp dụng quy định pháp luật của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai quận BL đang hết sức máy móc, dẫn đến sai lệch trong công tác chuyên môn, ảnh hưởng nghiêm trọng quyền và lợi ích hợp pháp của người dân. Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai quận BL căn cứ quy định tại mục 1.a.E Phụ lục 3 Quyết định số 199/2004/QĐ-UB ngày 29/12/2004 của UBND thành phố Hà Nội để ấn định thửa đất của gia đình ông, bà thuộc đường loại I. Tuy nhiên, Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai quận BL quên mất rằng, mục E Phụ lục 3 chỉ phân loại các loại đường Quốc lộ. Ngoài đường Quốc lộ, thị trấn XD còn có các loại đường địa phương khác. Cụ thể, tại Phụ lục 2 Quyết định số 199/2004/QĐ-UB về phân loại đường các thị trấn đã quy định rất rõ, thị trấn XD bao gồm: Quốc lộ 32 (Đường loại I) và các đường trục còn lại (Đường loại II). Và rõ ràng, thửa đất của gia đình ông bà phải thuộc các đường trục còn lại này mới chính xác. Tại Thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà, đất số 3210/10 ngày 19/5/2010 của Chi cục thuế huyện LT cũng đã xác định thửa đất của gia đình ông, bà thuộc loại đường/khu vực: Đường XD (từ đường XD đến ga XD) - loại đường không được nêu

tên tại mục E Phụ lục 3 Quyết định số 199/2004/QĐ-UB. Như vậy, tại thời điểm năm 2010, Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cũng đã ấn định thửa đất của gia đình ông, bà thuộc các trục đường còn lại theo quy định tại Phụ lục 2 Quyết định số 199/2004/QĐ-UB chứ không phải là đường Quốc lộ quy định tại mục E Phụ lục 3 Quyết định số 199/2004/QĐ-UB như Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai quận BL xác định và áp dụng để tính tiền sử dụng đất.

Thứ hai, Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai quận BL xác định thửa đất của gia đình ông, bà thuộc vị trí 2 (500-1000m). Trên thực tế, thửa đất của gia đình ông, bà có một mặt giáp ngõ ** đường XD, ngõ có chiều rộng 3m. Như vậy, theo quy định của UBND thành phố Hà Nội, thửa đất của gia đình ông, bà phải được xác định ở vị trí 3 chứ không phải vị trí 2 như văn bản của Văn phòng đăng ký đất đai - Chi nhánh quận BL và Chi cục thuế quận BL. Việc xác định thửa đất của gia đình ông, bà thuộc vị trí 2 là chưa phù hợp với quy định của pháp luật.

Từ những sai sót trong việc xác định vị trí, đặc điểm thửa đất của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai quận BL dẫn đến việc Chi cục thuế quận BL áp mức giá đất tính tiền sử dụng đất đối với thửa không phù hợp với thực tế khách quan, mức tiền sử dụng đất chênh lệch hàng trăm triệu đồng, gây thiệt hại cũng như ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông, bà. Trong khi đó, ông, bà nay đã lớn tuổi, nhiều bệnh tật phát sinh thường xuyên phải điều trị tại bệnh viện, thu nhập hoàn toàn phụ thuộc vào lương hưu không thể đủ chi trả cho quá trình chữa trị tại bệnh viện. Số tiền hàng trăm triệu đồng bị sai lệch do sai sót của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai quận BL không phải là con số nhỏ đối với gia đình ông, bà.

Nay, ông, bà có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án: Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 7361/QĐ-KTNB ngày 29/4/2021 của Chi cục thuế quận BL; Yêu cầu Chi cục thuế quận BL tiến hành xác định và tính lại tiền sử dụng đất mà ông, bà

phải nộp đối với thửa đất thửa đất số 4(2), tờ bản đồ số 13CD theo đúng vị trí thực tế và quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai, các lời khai tiếp theo và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đại diện theo ủy quyền của người bị kiện là ông Nguyễn ĐQ trình bày:

Về trình tự ban hành Thông báo nộp tiền sử dụng đất số 247/TB-CCT-TTNPĐ ngày 16/3/2021 của Chi cục thuế quận BL: Căn cứ Đơn xin thanh toán nợ tiền sử dụng đất (nộp tại cơ quan thuế ngày 23/02/2021) và hồ sơ kèm theo của bà Đặng Thị T.H và ông Mai.L đối với thửa đất số: 4(2); tờ bản đồ số: 13, phường XD, quận BL; Quyết định số 199/2004/QĐ-UB ngày 29/12/2004 của UBND thành phố; Công văn số 464/VPĐKĐĐHN-CNBTL ngày 16/03/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội - Chi nhánh quận BL và các Luật, văn bản pháp luật liên quan; Tại điểm a, khoản 1, Điều 2 của Nghị định số 79/2019/NĐ-CP ngày 26/10/2019 của Chính phủ sửa đổi Điều 16 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất, quy định: *...Đối với hộ gia đình, cá nhân đã được ghi nợ tiền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 3 năm 2016 thì tiếp tục thanh toán tiền sử dụng đất còn nợ theo chính sách và giá đất tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận (hoặc theo số tiền ghi trên Giấy chứng nhận đã được xác định theo đúng quy định của pháp luật) đến hết ngày 28 tháng 02 năm 2021. Quy định này không áp dụng đối với số tiền sử dụng đất thanh toán nợ mà hộ gia đình, cá nhân đã nộp vào ngân sách nhà nước....* Ngày 23/02/2021, Chi cục Thuế nhận được đơn xin thanh toán nợ tiền sử dụng đất và hồ sơ kèm theo của bà Đặng Thị T.H và ông Mai.L đối với thửa đất số: 4(2); tờ bản đồ số: 13, phường XD, quận BL; Ngày 26/02/2021, Chi cục Thuế có công văn số 2710/CCT-TBTK ghi ngày 26/02/2021 gửi Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội - Chi nhánh quận BL về việc cung cấp thông tin địa chính đối với thửa đất nêu trên của ông Mai.L và bà Đặng Thị T.H về vị trí, cung đường tại thời điểm năm cấp giấy chứng nhận để làm cơ sở xác định nghĩa vụ tài chính;

Ngày 16/03/2021, Chi cục Thuế nhận được công văn số 464/VPĐKĐĐHN-CNBTL ghi ngày 16/03/2021 về việc phúc đáp công văn số 2710/CCT-TBTK ngày 26/02/2021 của Chi cục Thuế quận BL. Nội dung công văn xác định như sau: “.....*Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội - Chi nhánh quận BL cung cấp thông tin địa chính về vị trí, cung đường tại thời điểm năm 2005 tại thửa đất số 4(2), tờ bản đồ số 13CD, phường XD, quận BL, TP Hà Nội như sau: Vị trí 2 từ 500-1000m, đường 32 - XD (HM - Cầu vượt đường sắt)...*”; Căn cứ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 363219 cấp ngày 29/9/2005 của ông Mai.L và bà Đặng Thị T.H, Quyết định số 199/2004/QĐ-UB ngày 29/12/2004 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc Ban hành giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hà Nội và thực hiện Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về phương pháp xác định giá đất và khung giá các loại đất, Chi cục thuế tính và phát hành Thông báo số 247/TB-CCT-TTNPĐ ngày 16/03/2021 cho bà Đặng Thị T.H và ông Mai.L đối với thửa đất số 4(2); tờ bản đồ 13CD, phường XD, quận BL với số tiền sử dụng đất phải nộp là: 518.925.000 đồng (Năm trăm mười tám triệu, chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng), cụ thể như sau:

Số tiền sử dụng đất phải nộp: $(6.600.000 \times 0,85) \times 185m^2 \times 50\% = 518.925.000$ đồng. Trong đó: Hệ số khoảng cách từ 500 - 1000 m là: 0,85 (Theo Điểm c, khoản 3, Điều 2 Quyết định số 199/2004/QĐ-UB ngày 29/12/2004 của UBND thành phố); Địa chỉ thửa đất thuộc tổ *, thị trấn XD, huyện LT như vậy giá đất tính tiền sử dụng đất được tính tại bảng Bảng 5: Giá đất tại các Thị trấn; Thị trấn XD là: Thị trấn loại I, căn cứ PHỤ LỤC SỐ 2: Phân loại đường các thị trấn; Đường XD (HM - Cầu vượt đường sắt) thuộc Đường 32 căn cứ PHỤ LỤC SỐ 3: Phân loại đường ngoại thành và là: Đường loại I căn cứ PHỤ LỤC SỐ 2: Phân loại đường các thị trấn; Năm 2005 - Đường 32 - XD (HM - Cầu vượt đường sắt) - Vị trí 2 là Thị trấn loại I - Đường Loại

I - Vị trí 2 và giá tính tiền sử dụng đất là: 6.600.000 đồng theo Bảng 5: Giá đất tại các Thị trấn.

Số tiền sử dụng đất phải nộp theo Thông báo số 247/TB-CCT-TTNPĐ ngày 16/03/2021 cho ông Mai.L và bà Đặng Thị T.H đối với thửa đất số 4(2); tờ bản đồ 13CD, phường XD, quận BL với số tiền sử dụng đất phải nộp 518.925.000 đồng là có cơ sở và đúng với quy định; Chi cục Thuế không đồng ý với việc xác định lại Thông báo nộp tiền sử dụng đất khi thanh toán nợ tiền sử dụng đất cho ông Mai.L và bà Đặng Thị T.H đối với thửa đất số 4(2); tờ bản đồ 13CD, phường XD, quận BL. Lý do: Căn cứ vào thông tin địa chính do Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội - Chi nhánh quận BL cung cấp, Chi cục thuế xác định số tiền phải nộp là có cơ sở và đúng với quy định.

Về trình tự ban hành Quyết định số 7361/QĐ-CCT-KTNB ngày 29/4/2021 của Chi cục trưởng Chi cục thuế quận BL: Căn cứ Đơn khiếu nại của ông Mai.L và bà Đặng Thị T.H; Luật khiếu nại, các văn bản luật liên quan người bị kiện khẳng định việc thụ lý, giải quyết, niêm yết văn bản giải quyết khiếu nại đối với gia đình ông Mai.L và bà Đặng Thị T.H là có căn cứ, đúng trình tự quy định của pháp luật.

Sau khi nhận được Quyết định số 7361/QĐ-CCT-KTNB ngày 29/4/2021 của Chi cục trưởng Chi cục Thuế quận BL về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Mai.L và bà Đặng Thị T.H, ông Mai.L và bà Đặng Thị T.H không có ý kiến gì đối với Chi cục thuế, tuy nhiên sau đó ông, bà có đơn khiếu nại (lần 2) đề ngày 14/5/2022 gửi Cục thuế thành phố Hà Nội.

Người bị kiện không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H, ông L và vẫn giữ nguyên Quyết định giải quyết khiếu nại số 7361/QĐ-CCT-KTNB ngày 29/4/2021.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 01/2023/HCST ngày 27 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận BL đã xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Mai.L và bà Đặng Thị T.H đối với Quyết định giải quyết khiếu nại số 7361/QĐ-KTNB ngày 29/4/2021 của Chi cục trưởng Chi cục thuế quận BL, thành phố Hà Nội.

2. Không chấp nhận các yêu cầu khác của đương sự.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 08.8.2023, ông Mai.L, bà Đặng Thị T.H làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Ông Mai.L, bà Đặng Thị T.H đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm do bản án sơ thẩm bỏ sót người tham gia tố tụng là Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận BL.

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã đưa bổ sung Chi cục thuế quận BL, Cục trưởng Cục thuế Hà Nội, Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội- Chi nhánh BL vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Chi cục thuế quận BL, Cục trưởng Cục thuế Hà Nội, Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội- Chi nhánh BL có văn bản gửi đến Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội trình bày quan điểm: đồng ý tham gia tố tụng tại cấp phúc thẩm, đồng ý với bản án sơ thẩm, xin vắng mặt tại phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện, người kháng cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. So với hiện trạng hiện nay của thửa đất so với thời điểm năm 2005-2007, có sự thay đổi về mặt đường và kích thước độ rộng của mặt đường. Việc mở rộng đường so với thời điểm năm 2005 được lấy vào phần đất lưu không hai bên đường, không phải thu hồi đất của các hộ dân hai bên đường để mở rộng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Mai.L, bà Đặng Thị T.H sau khi phân tích toàn bộ nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Tòa án cấp sơ thẩm đã không yêu cầu các cơ quan nhà nước có thẩm quyền xuất trình tài liệu, chứng cứ chứng minh tại thời điểm năm 2005-2007, độ rộng của mặt đường là trên 3,5m. Tại

cấp phúc thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để thu thập thêm tài liệu chứng cứ này để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa, sau khi phân tích nội dung vụ án, phát biểu quan điểm như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã tuân thủ đảm bảo đúng trình tự, thủ tục từ khi thụ lý đến tại phiên tòa phúc thẩm; người tham gia tố tụng đã được thực hiện đầy đủ và chấp hành đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích toàn bộ nội dung vụ án, đánh giá chứng cứ, tình tiết tài liệu có trong hồ sơ đã được công khai tại phiên tòa, Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: bác yêu cầu kháng cáo của ông Mai.L, bà Đặng Thị T.H; Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 01/2023/HCST ngày 27/7/2023 của Tòa án nhân dân quận BL, thành phố Hà Nội; Về án phí: Miễn án phí cho ông Mai.L, bà Đặng Thị T.H do thuộc trường hợp người cao tuổi, có đơn xin miễn giảm án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

1.1. Thời hạn kháng cáo: Ngày 27.7.2023, Tòa án nhân dân quận BL tuyên án, ngày 08.8.2023 ông Mai.L, bà Đặng Thị T.H làm đơn kháng cáo là phù hợp với quy định về thời hạn kháng cáo theo khoản 1 Điều 206 Luật tố tụng hành chính.

1.2. Về xác định đối tượng hành chính bị kiện, xác định người tham gia tố tụng và thời hiệu khởi kiện:

Đối tượng khởi kiện là quyết định giải quyết khiếu nại số 7361/QĐ-KTNB ngày 29.4.2021 của Chi cục trưởng Chi cục thuế quận BL. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định người bị kiện là Chi cục trưởng Chi cục thuế quận BL là đúng quy định tại khoản 9 Điều 3 Luật tố tụng hành chính.

Quyết định hành chính liên quan gồm có: 1. Thông báo số 247/TB-CCT-TTNPĐ ngày 16.3.2021 của Chi cục thuế quận BL; 2. Quyết định số 38245/QĐ-CTHN-KTNB ngày 06.10.2021 của Cục trưởng Cục thuế Hà Nội về việc giải quyết khiếu nại của ông Mai.L và bà Đặng Thị T.H (lần 2). Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm không đưa Chi cục thuế quận BL và Cục trưởng Cục thuế Hà Nội vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có thiếu sót. Tuy nhiên, tại cấp phúc thẩm, Chi cục thuế quận BL và Cục trưởng Cục thuế Hà Nội đã được Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đưa vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Chi cục thuế quận BL và Cục trưởng Cục thuế Hà Nội cũng đã có văn bản đồng ý việc tham gia tố tụng tại cấp phúc thẩm và đồng ý với bản án sơ thẩm. Mặc dù sai sót của cấp sơ thẩm đã được khắc phục nhưng cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm để đảm bảo chất lượng xét xử, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Đối với kháng cáo về việc đưa Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội- Chi nhánh BL vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, tại cấp phúc thẩm cũng đã được đưa vào và Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội- Chi nhánh BL cũng đã có văn bản đồng ý việc tham gia tố tụng tại cấp phúc thẩm và đồng ý với bản án sơ thẩm. Tuy nhiên, do công văn số 464/VPĐKĐĐHN-CNBTL ngày 16/03/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội- Chi nhánh BL là phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai nhưng chưa làm phát sinh nghĩa vụ của người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất nên không thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính theo hướng dẫn tại mục 2, giải đáp số 02/GĐ-TANDTC ngày 19.9.2018 của Tòa án nhân dân Tối cao về một số vấn đề về tố tụng hành chính, do vậy cũng không phải là quyết định hành chính liên quan.

Về thời hiệu khởi kiện: Quyết định số 38245/QĐ-CTHN-KTNB ngày

06.10.2021 của Cục trưởng Cục thuế Hà Nội về việc giải quyết khiếu nại của ông Mai.L và bà Đặng Thị T.H (lần 2), ngày 25.8.2022 ông Mai.L và bà Đặng Thị T.H khởi kiện là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

Về thẩm quyền: Người khởi kiện khởi kiện quyết định giải quyết khiếu nại số 7361/QĐ-KTNB ngày 29.4.2021 của Chi cục trưởng Chi cục thuế quận BL. Quyết định này đã được Cục trưởng Cục Thuế Hà Nội giải quyết khiếu nại lần 2 bằng Quyết định số 38245/QĐ-CTHN-KTNB ngày 06.10.2021. Theo quy định tại khoản 3 Điều 32 của Luật tố tụng hành chính, Tòa án cấp tỉnh giải quyết theo thủ tục sơ thẩm những khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính của cơ quan nhà nước cấp tỉnh trên cùng phạm vi địa giới hành chính với Tòa án và của người có thẩm quyền trong cơ quan nhà nước đó.

Trong trường hợp này, Tòa án phải xem xét tính hợp pháp của số 7361/QĐ-KTNB ngày 29.4.2021 của Chi cục trưởng Chi cục thuế quận BL và cả quyết định hành chính số 38245/QĐ-CTHN-KTNB ngày 06.10.2021 của Cục trưởng Cục Thuế Hà Nội. Trường hợp này, Tòa án nhân dân quận BL đã thụ lý, giải quyết vụ việc và để tránh việc chuyển đi chuyển lại vụ án, việc xét xử không làm thay đổi bản chất vụ việc nên việc tiếp tục giải quyết vụ án là phù hợp với tinh thần hướng dẫn của tiểu mục 4, mục III, Công văn số 64/TANDTC-PC ngày 03.4.2019 của Tòa án nhân dân Tối cao thông báo kết quả giải đáp trực tuyến một số vướng mắc về hình sự, dân sự và tố tụng hành chính.

[2] Về nội dung:

Ông Mai.L, bà Đặng Thị T.H kháng cáo bản án sơ thẩm vì cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã xử bác đơn khởi kiện của ông bà là không đúng. Tại cấp phúc thẩm, ông Mai.L và bà Đặng Thị T.H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, cho rằng Quyết định số 7361/QĐ-KTNB ngày 29.4.2021 của Chi cục trưởng Chi cục thuế quận BL

giữ nguyên Thông báo số 247/TB-CCT-TTNPD ngày 16.3.2021 của Chi cục thuế quận BL là không đúng vì: Thông báo này đã tính tiền sử dụng đất sai do căn cứ vào Thông báo cung cấp thông tin địa chính sai của Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội-Chi nhánh quận BL.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Về thẩm quyền và trình tự ban hành các quyết định hành chính bị kiện, quyết định hành chính liên quan Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định đúng, không có kháng cáo, kháng nghị liên quan.

Về nội dung liên quan đến kháng cáo: Ông Mai.L và bà Đặng Thị T.H được Ủy ban nhân dân huyện LT cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 363219; Sổ vào sổ cấp giấy: H0147/QSDĐ/2824/QĐ-UB ngày 29/9/2005, thửa đất số 4(2), tờ bản đồ số 13, diện tích 365m², địa chỉ thửa đất: Tổ *, thị trấn XD, huyện LT (nay là số *** ngõ ** đường XD, tổ *, phường XD, quận BL, TP Hà Nội). Tại mục VI - Những thay đổi sau cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có ghi: Ngày 27/5/2010 “...Chưa nộp tiền sử dụng đất diện tích 185m² x 50%”.

Ngày 23/02/2021, Chi cục Thuế nhận được đơn xin thanh toán nợ tiền sử dụng đất và hồ sơ kèm theo của bà Đặng Thị T.H và ông Mai.L đối với thửa đất nêu trên. Chi cục Thuế quận đã có công văn số 2710/CCT-TBTK ngày 26/02/2021 gửi Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội - Chi nhánh quận BL về việc cung cấp thông tin địa chính đối với thửa đất nêu trên của ông Mai.L và bà Đặng Thị T.H về vị trí, cung đường tại thời điểm năm cấp giấy chứng nhận để làm cơ sở xác định nghĩa vụ tài chính; Ngày 15.3.2021, Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội - Chi nhánh quận BL có công văn số 464/VPĐKĐĐHN-CNBTL gửi Chi cục thuế quận BL với nội dung: Sau khi kiểm tra hồ sơ, văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội, chi nhánh quận BL cung cấp thông tin địa chính về vị trí, cung đường tại thời điểm năm 2005 tại thửa số 4(2), tờ bản đồ số 13 CD, phường XD, quận BL, thành phố Hà Nội như sau: Vị trí 2 từ 500-

1000m, đường 32- XD (HM - Cầu vượt đường sắt). Căn cứ vào thông tin trên, Chi cục Thuế quận BL đã ban hành Thông báo 247/TB-CCT-TTNPĐ ngày 16.3.2021, theo đó ông L bà H có nghĩa vụ nộp số tiền sử dụng đất là 518.925.000 đồng.

Hội đồng xét xử thấy: Theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 2, Nghị định số 79/2019/NĐ-CP ngày 26/10/2019 của Chính phủ sửa đổi Điều 16 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất, quy định: “.....*Đối với hộ gia đình, cá nhân đã được ghi nợ tiền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 3 năm 2016 thì tiếp tục thanh toán tiền sử dụng đất còn nợ theo chính sách và giá đất tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận (hoặc theo số tiền ghi trên Giấy chứng nhận đã được xác định theo đúng quy định của pháp luật) đến hết ngày 28 tháng 02 năm 2021...*”. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông L bà H được cấp năm 2005, do đó văn bản áp dụng là Quyết định 199. Tại thời điểm năm 2005, “đường vào Trại Gà” không thuộc thị trấn XD. Thửa đất của gia đình ông L, bà H tại thời điểm năm 2005 có địa chỉ tại Thị trấn XD, theo quy định tại Phụ lục số 2 của Quyết định 199 là Thị trấn loại I và áp dụng bảng giá đất là Bảng số 5 của Quyết định 199. Tại Thông báo 247 Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội - Chi nhánh quận BL xác định thửa đất của ông bà thuộc Đường 32 - XD (HM - Cầu vượt đường sắt) - Phụ lục số 3 của Quyết định 199 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Người khởi kiện cho rằng thửa đất của gia đình ông, bà có một mặt giáp ngõ ** đường XD, ngõ có chiều rộng 3m. Như vậy, theo quy định của UBND thành phố Hà Nội, thửa đất của gia đình ông, bà phải được xác định ở vị trí 3 chứ không phải vị trí 2 như văn bản của Văn phòng đăng ký đất đai - Chi nhánh quận BL và Chi cục thuế quận BL. Về nội dung này, Hội đồng xét xử thấy: Theo quy định tại Điều 2 Quyết định 199, nguyên tắc chung xác định giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hà Nội. Căn cứ vào khả năng sinh lời, khoảng cách tới mặt tiền của trục đường giao thông, đường phố và điều kiện kết cấu hạ tầng thuận lợi cho sinh hoạt, kinh doanh

và cung cấp dịch vụ theo nguyên tắc: Vị trí 1 có mức sinh lợi cao nhất có điều kiện kết cấu hạ tầng thuận lợi nhất, gần trục đường giao thông nhất, các vị trí tiếp theo sau đó theo thứ tự 2, 3, 4 trở đi có mức sinh lợi và điều kiện kết cấu hạ tầng kém thuận lợi hơn; Đối với đất ở thuộc khu vực giáp ranh giữa các quận nội thành và các huyện ngoại thành, giá đất được xác định cho phù hợp với khả năng sinh lời và điều kiện cơ sở hạ tầng Nhà nước đầu tư. Mặt khác theo quy định tại Điều 4 Quyết định 199 thì vị trí 2: Áp dụng đối với các thửa đất có ít nhất một mặt giáp với ngõ, ngách, hẻm (sau đây gọi chung là ngõ) có chiều rộng từ 3,5m trở lên. Quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ nào xác định hiện trạng thửa đất tại thời điểm năm 2005. Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện cũng xác nhận rằng: So với hiện trạng hiện nay của thửa đất so với thời điểm năm 2005-2007, có sự thay đổi về mặt đường và kích thước độ rộng của mặt đường. Việc mở rộng đường so với thời điểm năm 2005 được lấy vào phần đất lưu không hai bên đường, không phải thu hồi đất của các hộ dân hai bên đường để mở rộng. Như vậy là có thể mặt đường tại thời điểm năm 2005 chất lượng không đảm bảo nhưng quy hoạch kích thước mặt đường đã phù hợp. Tại cấp phúc thẩm, người khởi kiện yêu cầu Văn phòng đăng ký đất đai- Chi nhánh quận BL cung cấp hiện trạng thửa đất năm 2005 là chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ của mình bởi đương sự có quan điểm ngược lại thì phải nghĩa vụ chứng minh. Tại Biên bản xem xét, thẩm định do Tòa án tiến hành ngày 09/3/2023, người khởi kiện đã mời Công ty cổ phần khảo sát và địa chính tiến hành đo đạc khoảng cách từ thửa đất đến mép đường bê tông tại địa chỉ thửa đất (số nhà *** ngõ ** đường XD) đều ghi nhận kết quả có độ dài là 4.0m đến 5.12m. Như vậy, tại Thông báo 247 Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội - Chi nhánh quận BL xác định thửa đất của ông bà thuộc Vị trí 2, Quyết định 199 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm, người khởi kiện đã đưa ra để so sánh thửa đất của mình và thửa đất của ông Phạm Minh Chung, bà Mai Thu Thủy để cho rằng hai thửa đất (trên cùng một thửa của bố mẹ được tách ra), thửa đất của ông Chung, bà Thủy liền kề, trên cùng một tờ bản đồ, cùng một khu vực, cùng tổ dân phố, cùng một ngõ đi chung nhưng lại được xác định thuộc hai loại đường/khu vực khác nhau. Tuy nhiên, thời điểm Ủy ban nhân dân huyện LT cấp Giấy chứng nhận của ông Chung, bà Thủy là năm 2007, văn bản áp dụng làm căn cứ xác định vị trí, cung đường là Quyết định 242/2006/QĐ-UBND ngày 29/12/2006 của UBND thành phố Hà Nội. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Mai.L, bà Đặng Thị T.H được Ủy ban nhân dân huyện LT cấp năm 2005, văn bản áp dụng làm căn cứ xác định vị trí, cung đường là Quyết định 199 là đúng quy định của pháp luật.

Từ các phân tích trên, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông Mai.L, bà Đặng Thị T.H, cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Về án phí: Ông Mai.L, bà Đặng Thị T.H phải chịu án phí phúc thẩm. Tuy nhiên, do ông bà đều là người cao tuổi, thuộc trường hợp được miễn án phí nên miễn án phí phúc thẩm cho ông Mai.L, bà Đặng Thị T.H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 241, Điều 242 của Luật tổ tụng hành chính.
- Điều 149 Luật quản lý thuế năm 2019 và các Điều 19, 27, 28, 29, 30 Luật khiếu nại năm 2011; Điểm a, khoản 1, Điều 2, Nghị định số 79/2019/NĐ-CP ngày 26/10/2019 của Chính phủ sửa đổi Điều 16 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất; Quyết định 199/2004/QĐ-UB ngày 29/12/2004 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc ban hành giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hà Nội;

- Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ; Điều 2 Luật người cao tuổi và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Bác kháng cáo của ông Mai.L, bà Đặng Thị T.H, giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm số 01/2023/HCST ngày 27/7/2023 của Tòa án nhân dân quận BL và xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Mai.L và bà Đặng Thị T.H đối với Quyết định giải quyết khiếu nại số 7361/QĐ-KTNB ngày 29.4.2021 của Chi cục trưởng Chi cục thuế quận BL, thành phố Hà Nội và các yêu cầu liên quan khác.

2. Về án phí: Miễn án phí hành chính sơ thẩm và phúc thẩm cho ông Mai.L, bà Đặng Thị T.H. Hoàn trả ông Mai.L, bà Đặng Thị T.H số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AB/2020/0043392 ngày 12.10.2022 tại Chi cục thi hành án dân sự quận BL, thành phố Hà Nội.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 15/12/2023.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- TAND xét xử sơ thẩm;
- Chi cục THADS, Cục THADS
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

P.T